

PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN KINH NGHIỆM CÁC NƯỚC TRONG KHU VỰC, BÀI HỌC ĐỐI VỚI VIỆT NAM.

Thạc sĩ **VŨ ANH TUẤN**



Công nghiệp hóa - qui luật phổ biến của mọi quốc gia trong quá trình chuyển nền kinh tế từ sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, kỹ thuật thủ công lên sản xuất lớn, công nghiệp hiện đại, kỹ thuật tiên tiến.

Đến nay, hầu hết các nước trên thế giới đều bắt đầu công nghiệp hóa bằng phát triển công nghiệp chế biến. Tình hình này xuất phát từ ba lý do sau :

- Công nghiệp chế biến cho phép sản xuất ra những sản phẩm mới mà nông nghiệp bị hạn chế .
- Công nghiệp chế biến là nhân tố hết sức quan trọng kích thích tăng trưởng nhanh nền kinh tế và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.
- Công nghiệp chế biến tạo ra các tác động thúc đẩy đối với các ngành kinh tế khác trong nền kinh tế quốc dân

Tuy nhiên, quá trình phát triển công nghiệp chế biến được tiến hành ở mỗi nước trong mỗi giai đoạn không hoàn toàn giống nhau và có đặc trưng riêng. Dựa vào lịch sử và đặc điểm phát triển, có thể nhận thấy 2 nhóm nước thực hiện công nghiệp chế biến: các nước công nghiệp hóa đi trước như Anh , Pháp, Mỹ , Đức... các nước đi sau như Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore, Thái Lan, Malaysia, Indonesia.

Đến nay, một số nước đi sau đã và đang thành công trong phát triển công nghiệp chế biến , có thể cung cấp những bài học kinh nghiệm cho các nước còn đang trong giai đoạn đầu của sự phát triển.

Việc tiếp cận kinh nghiệm các nước , đặc biệt là các nước đi sau, các nước NICs và ASEAN để tìm ra giải pháp phát triển công nghiệp chế biến ở Việt Nam là việc làm cần thiết, vì các nước này có nhiều nét tương đồng về xuất phát điểm so với Việt Nam.

Tổng quan các nước NICs gồm : Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore và Hongkong cho thấy họ bắt đầu công nghiệp hóa từ đầu những năm 1960. Tiếp theo là các nước thuộc khối ASEAN như : Thái Lan, Indonesia, Malaysia và Philippin thì bắt đầu công nghiệp hóa vào những năm 1970. Những nước này - các nước trong khu vực, đã phát triển đáng kể, trong đó tỷ trọng của công nghiệp chế biến trong GDP ở mỗi nước rất cao và có khuynh hướng ngày càng tăng. Chẳng hạn Malaysia (xem biểu 1)

Biểu 1 : Tỷ trọng của công nghiệp chế biến trong GDP ở Malaysia (%)

	1970	1980	1985	1990	1995	2000 (DK)
- GDP	100	100	100	100	100	100
- CN chế biến	13,9	19,6	19,7	26,7	34,7	37,2
- Nông nghiệp	29,0	22,9	20,8	18,7	13,5	10,0

Nguồn : Số liệu khảo sát của Văn phòng Chính phủ Việt Nam tại Malaysia tháng 9 năm 1995.

Nhìn chung ở giai đoạn đầu công nghiệp hóa, các nước này đều phát triển các ngành công nghiệp chế biến sử dụng nhiều lao động , vốn ít và công nghệ ở trình độ trung bình, hoạt động gắn bó với các ngành nông, lâm, ngư nghiệp rồi dần phát triển sang công nghiệp chế tạo, công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật và vốn cao. Nhờ đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến mà sự nghiệp công nghiệp hóa ở các nước này diễn ra rất nhanh với hiệu quả cao.

Những chính sách và biện pháp chính được các nước trong khu vực áp dụng trong quá trình phát triển công nghiệp chế biến

- Thứ nhất, thông qua chiến lược công nghiệp hóa, lựa chọn chính sách phát triển công nghiệp chế biến :

Chính sách thay thế hàng nhập khẩu được coi như một chiến lược. Chính sách này nói lên rằng phát triển công nghiệp chế biến hướng vào các ngành chế biến nguyên liệu, sản xuất hàng tiêu dùng thay thế các hàng xưa nay phải nhập khẩu. Cùng với quá trình này, các nước đẩy mạnh chế biến các mặt hàng mà trong nước có lợi thế về nguyên liệu, để cân đối tiêu dùng trong nước và dần chuyển sang xuất khẩu, tích lũy vốn cũng được thực hiện theo quá trình này.

- Thứ hai, chính sách hỗ trợ tài chính, tín dụng: Thông qua sự can thiệp của Chính phủ vào thị trường vốn bằng công cụ lãi suất và tín dụng, hướng luồng vốn chảy vào các ngành, các lĩnh vực cần ưu tiên. Chính sách "tài trợ ngầm" qua tín dụng được các nước ưu tiên để phát triển công nghiệp chế biến hướng về xuất khẩu, thực chất là duy trì lãi suất tín dụng thấp hơn lãi suất ở thị trường chứng khoán, một cách kìm chế nhẹ để một mặt ổn định lãi suất, mặt khác bảo đảm thực dương đối với lãi suất tiền gửi.

Đa số các nước trong khu vực mà Đài Loan là điển hình, khuyến khích tiết kiệm cá nhân với lãi suất cao, còn Malaysia thì duy trì tiết kiệm cá nhân thông qua các khoản tiền gửi bắt buộc. Tình hình này dẫn đến mức tiết kiệm và tích lũy vốn trong nước tăng nhanh: nếu như giai đoạn 1960-1970 từ 10-20% GDP thì giai đoạn 1995-1996 là từ 30-48%.

- Thứ ba, chính sách khuyến khích về thuế: Đi liền với sự trợ giúp về tài chính là việc giảm thuế, miễn thuế thu nhập, thuế kinh doanh, thuế lợi tức cho các cơ sở chế biến, nhất là đối với các doanh nghiệp mới thành lập. Ở Hàn Quốc đã giảm tới 50% các loại thuế trên cho các cơ sở mới thành lập từ 2-5 năm, ở Thái Lan đã giảm thuế nhập khẩu máy móc và phụ kiện từ 40 % xuống còn 5% vào năm 1991.

- Thứ tư, chính sách thúc đẩy xuất khẩu: Để hàng chế biến tiếp cận với thị trường thế giới, các nước thực hiện ưu tiên xuất khẩu các sản phẩm chế biến bằng cách miễn thuế, cấp vốn với lãi suất thấp để tăng khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu. Trong vòng 10 năm (1979-1989) ngân hàng Malaysia đã tăng vốn tài chính cho xuất khẩu từ 140 triệu lên 9.900 triệu USD. Ngoài ra họ còn tổ chức cung cấp thông tin về thị trường thế giới, giới thiệu các cơ hội và những qui định trong buôn bán quốc tế giúp các doanh nghiệp phát triển.

- Thứ năm, các chính sách phát triển khoa học - công nghệ, đào tạo cán bộ và tay nghề. Nhờ biết tận dụng những thành tựu của nhân loại, các nước này đã "đốt cháy" giai đoạn phát triển, họ không đi tuần tự như các nước đi trước mà hướng phát triển công nghệ vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế cho phù hợp với lợi thế vốn có. Thái Lan, Malaysia ưu tiên công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm và lâm sản rồi dần chuyển sang các ngành công nghiệp dệt, may, hóa chất, tinh dầu, công nghiệp ô tô, điện tử.

Đi liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế là chính sách "đốt tắt" khoa học - công nghệ thông qua nhập khẩu công nghệ và đầu tư mạnh cho nghiên cứu khoa học. Hàn Quốc đã chi 2% GDP cho nghiên cứu triển khai vào năm 1992 (1).

Ở nước ta hiện chỉ cho nghiên cứu khoa học còn ở mức thấp chỉ khoảng 0,1% GDP tức khoảng 0,4% ngân sách, chúng ta đang từng bước nâng dần để tiến tới đạt 1% vào năm 2000.

Bài học đối với Việt Nam

Từ những kinh nghiệm ở các nước trong khu vực, có thể nêu những bài học đối với Việt Nam trong tổ chức và phát triển ngành công nghiệp chế biến như sau:

- Một là, tạo môi trường kinh doanh và kết cấu hạ tầng hợp lý. Chính phủ cần thực hiện các chính sách hỗ trợ về tài chính, xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi

để mở rộng và nâng cấp các cơ sở chế biến. Ngoài ra, việc phát triển nhanh kết cấu hạ tầng sẽ tạo điều kiện nối liền các cơ sở sản xuất, khai thác nguyên liệu với các trung tâm chế biến và sự liên kết với thị trường cả trong và ngoài nước.

Nguyên liệu — chế biến — thị trường

- Hai là, chú trọng phát triển nhanh nguồn nhân lực. Người Nhật có một triết lý rút ra rằng nước Nhật thành công nhờ biết bắt đầu bằng sự nghiệp giáo dục và kết thúc cũng vẫn là giáo dục. Đảng và Chính phủ Việt Nam đã nhận thức rõ tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển, Nghị quyết TW2 tháng 12/1996 vừa qua thể hiện rõ nhận thức này.

- Ba là, cần quan tâm phát triển các ngành kinh tế có liên quan. Kinh nghiệm các nước cho thấy, để tăng cường nguồn lực cho phát triển công nghiệp chế biến cần tạo dựng mối liên hệ chặt chẽ giữa các ngành kinh tế. Các nước đã lập các chương trình liên kết giữa các ngành nông, lâm, ngư nghiệp với các ngành công nghiệp chế biến, liên kết giữa các cơ sở cung ứng nguyên liệu và kỹ thuật với công nghiệp chế biến. Ở nước ta cần sớm có quy hoạch để tạo ra chu trình kín giữa vùng khai thác, cung cấp nguyên liệu với khu vực chế biến và thị trường tiêu dùng để tạo sự ổn định và kích thích lẫn nhau phát triển.

Do đặc thù, nước ta cần coi trọng phát triển nông nghiệp, muốn vậy cần tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học. Nếu như Nhật mất 80 năm (từ 1880-1960) mới đưa được năng suất lúa lên 2 lần, thì Hàn Quốc chỉ mất 40 năm (từ 1930-1970), nhưng Indonesia không đầy 20 năm (2). Việt Nam có lợi thế của nước đi sau có thể còn rút ngắn hơn.

Ngoài các ngành nông nghiệp, khai thác còn phải chú trọng phát triển các ngành kinh tế khác như năng lượng, vật tư, hóa chất, cung cấp máy móc thiết bị cho công nghiệp chế biến phát triển trong một cơ cấu hợp lý.

- Bốn là, phải chú trọng hiệu quả kinh tế - xã hội của sự phát triển công nghiệp chế biến.

Kinh nghiệm các nước cho thấy hiệu quả kinh tế của công nghiệp chế biến không phải chỉ là mục tiêu mà còn là tiêu chuẩn để lựa chọn ngành nghề, mặt hàng, công nghệ, qui mô và loại hình tổ chức kinh doanh.

Để đảm bảo tính hiệu quả, bên cạnh việc tạo ra sự cân đối trên, còn cần phải gắn công nghiệp chế biến với thị trường, hướng vào các mặt hàng mũi nhọn nhằm phát huy thế mạnh và tạo uy tín ban đầu.

Những kinh nghiệm nêu trên không chỉ là cần thiết và bổ ích đối với các chương trình phát triển công nghiệp chế biến nói chung và công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản nói riêng trên phạm vi cả nước, mà còn có ý nghĩa quan trọng để phát triển công nghiệp chế biến ở các địa phương trong cả nước ■

(1) Giáo dục thời đại, 24.2.1995

(2) Các con đường phát triển của các nước ASEAN, nxb Khoa học Xã hội, 1996, tr. 28